

Mật Tạng Bộ 4 _ No.1223 (Tr.130 _ Tr.133)

PHẬT NÓI PHÁP
VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT HÓA THÂN
ĐẠI PHẦN TẤN CÂU MA LA KIM CƯƠNG
NIỆM TỤNG DU GIÀ NGHI QUỸ

Hán dịch: Nước Nam Thiên Trúc_ Tam Tạng KIM CƯƠNG TRÍ phụng
chiếu dịch

Phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Nay Ta thuận **Du Già**

Kim Cương Đỉnh Kinh nói

Xí Thịnh Kim Cương Bộ

Tây Phương Niệm Tụng Pháp

Nếu có người tu hành

Y đây mà đỉnh thọ

Trước nơi A Xà Lê

Đã được Quán Đỉnh xong

Tiếp nên chọn Tịnh Xứ (chỗ trong sạch)

Trong ngòi suối, khe, sông

Đỉnh núi, A Lan Nhược

Chốn người Tiên đắc Đạo

Hoặc ở tại Tăng Phòng

Thanh tịnh rộng trang nghiêm

Hoặc nơi ý ưa thích

Muốn tu Pháp **Tất Địa** (Siddhi)

Tinh tiến mà thọ trì

Kim Cương trong các Bộ

Pháp này rất thâm sâu

Chân Ngôn, sức gia trì

Giáng Phục với Kính Ai

Tưởng niệm nơi chư Phật

Suy tư nơi Bản Tôn

Sức Chân Ngôn khôn sánh

Hay nghiền nát Đại Chướng

Vừa trì câu Chân Ngôn

Hóa Phật từ miệng ra

Mọi loại việc Cát Tường

Ứng niệm mà tự đến

Quy mệnh **Vô Lượng Thọ** (Amitàyus)

Nguyện đem sức Công Đức

Mau được siêu Tất Địa

Rộng phát **Hoàng Thệ Nguyên**

Tiếp nên lễ chư Phật

Với các Đại Bồ Tát

Bày tỏ tội ba Nghiệp

Con từ đời quá khứ

Luân chuyển ở sinh tử

Nay đối Đại Thánh Tôn

Tận Tâm mà sám hối

Như Phật trước đã Sám

Nay con cũng như vậy

Vô Cấu Chân Ngôn là:

Ấn, sa-phộc bà phộc thú đà, tát phộc đạt ma sa-phộc bà phộc thú độ

hàm

唵 蘇 呬 婆 蘇 呬 婆 蘇 呬 婆 蘇 呬 婆

OM – SVABHÀVA 'SUDDHA – SARVA DHARMA SVABHÀVA

'SUDDHA UHÀM

Hành Giả tiếp nên lễ

Tất cả các Chúng Thánh

Mật Ngôn, một lễ bái

Gom tập lễ nhóm Trí

Như chuyển tất cả Kinh

Trừ Tâm nghi, quyết định

Tác Lễ Chân Ngôn là:

Nãng mô một đà dã (1) Nãng mạc đạt ma dã (2) Nãng mạc tăng già dã

(3) hộ lỗ hộ lỗ (4) tát độ lỗ (5) chỉ lý bá cát lý bà (6) đạt thi tất đạt ni bộ (7) bộ

lỗ ni (8) sa-phộc hạ

Tiếp kết **Khai Môn Ấn**

Hai Vĩ (2 tay) Kim Cương Quyền

Tiếng **Hông** (Hùm) rồi nâng Ấn

Chạm cửa, Cảnh Giác xong

Hay tôi (đập nát) Nội Ngoại Ma

Chân Ngôn là:

Hông, hông, hông

轰轰轰

HUM HUM HUM

Quân Tra (Kuṇḍali) giữ **Thủy Ấn**

Tay Định (tay trái) trước duỗi bằng

Thiên (ngón cái) đè móng Nhẫn (ngón giữa) Giới (ngón vô danh)

Mật Minh thêm bảy biến

Ấn, a mật-lý đê, hồng, phán tra

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM AMRTE HUM PHAT

Cầm giữ cành Dương Liễu

Thân mình, khoảng trong ngoài

Tịnh trừ Phiền Não Cấu (sự dơ bẩn phiền não)

Sái Tịnh Chân Ngôn là:

Ấn, đồ lỗ đồ lỗ lệ (1) củ lỗ củ lỗ, sa-phộc hạ

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM TURU TURULE KURU KURU SVÀHÀ

Phật Bộ (Buddha-kula) nửa hé mở

Tiến Lực (2 ngón trỏ) phụ Nhẫn Nguyên (2 ngón giữa)

Thiên Trí (2 ngón cái) dưới Tiến Lực (2 ngón trỏ)

Ngang tim, tưởng Như Lai

Mật Ngôn là:

Ấn, đát tha nghiệt đô nạp-bà phộc dã, sa-phộc hạ

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM TATHÀGATA UDBHAVÀYA SVÀHÀ

Liên Hoa Tam Muội Ấn

Bung mười Độ (10 ngón tay) hơi co

Đàn Tuệ (2 ngón út) Thiên Trí (2 ngón cái) hợp

Một lòng nên tưởng niệm

Tám cánh, **Quán Tự Tại**

Mật Chân Ngôn là:

Ấn, bát nạp-ma nạp-bà phộc dã, sa-phộc hạ

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM PADMA UDBHAVÀYA SVÀHÀ

Tiếp kết **Kim Cương Bộ** (Vajra-kula)

Ngược hai Vũ (2 tay) chung lưng

Thiên Trí (2 ngón cái) Đàn Tuệ (2 ngón út) móc

Tâm tưởng **Chấp Kim Cương** (Vajra-dhàra)

Ấn, phộc nhật-lô nạp-bà phộc dã, sa-phộc hạ

ॐ वज्र उद्भवया स्वहा
OM VAJRA UDBHAVAYA SVÀHÀ

Hộ Thân nội tương xoa (cài chéo các ngón bên trong)
Dựng Nhấn Nguyệt (2 ngón giữa) như phướng
Tiền Lực (2 ngón trỏ) phụ như móc
Thiền Trí (2 ngón cái) đè Giới Phướng (2 ngón vô danh)
Ấn năm chỗ, thành **Giáp** (Giáp trụ)

Chân Ngôn:

Ấn, phộc nhật-la nghi-nễ , bát-la niệm bả đá, sa-phộc hạ

ॐ वज्र अग्नि प्रदीपया स्वहा
OM VAJRA AGNI PRADIPTAYA SVÀHÀ

Tiếp kết **Địa Giới Ấn**

Nhấn (ngón giữa trái) Giới (ngón vô danh trái) quán Phướng (ngón vô danh phải) Nguyệt (ngón giữa phải)

Vào chưởng (lòng bàn tay) hợp Thiền Trí (2 ngón cái)

Kèm Đàn Tuệ (2 ngón út) Tiền Lực (2 ngón trỏ)

Thiền Trí (2 ngón cái) chạm đất hai (2 lần)

Chân Ngôn là:

**Ấn, chỉ lý chỉ lý, phộc nhật-la phộc nhật-lý bộ luật mãn đà mãn đà ,
hồng phán tra**

ॐ किलि किलि वज्र वज्रि भूरु बन्धा बन्धा हुं फट
OM_ KILI KILI_ VAJRA VAJRI BHÜR_ BANDHA BANDHA _ HÙM
PHAT

Phướng Ngung Kim Cương Tường

Ấn trước mở Thiền Trí (2 ngón cái)

Dựng nghiêng như bức tường

Chân Ngôn là:

Ấn, tát la tát la, phộc nhật-la, bát-la ca la, hồng, phán

ॐ सरा सरा वज्र प्रकरा हुं फट
OM _ SARA SARA VAJRA PRAKARA HÙM PHAT

Tiếp nên **Thỉnh Bản Tôn**

Định Tuệ (2 tay) nội tương xoa (cài chéo các ngón tay bên trong)

Hợp Oản (cổ tay) ló lóng giữa

Dựng Trí (ngón cái phải) thành Thỉnh Triệu

Chân Ngôn là:

**Ấn, phộc nhật-la địa lực ca, nhất hứ-duệ hứ, bà nga phạm phộc nhật-la
địa-lực ca**

ॐ वज्र वृक्ष षष्ठ्यै नमः वज्र वृक्ष
OM VAJRA DHRK_EHYEHI BHAGAVAM VAJRA DHRK

Tịch Trừ điều chướng nạn
Hữu Tuệ (ngón út phải) đè Trí Độ (ngón cái phải)
Hình Tam Cổ chứa eo
Định Quyền (quyền trái) xoay trên đỉnh
Trái phải thành Kết Giới
Chân Ngôn là:

Nắng mô phộc nhật-la đã, hạ nắng, độn nắng, vĩ đặc-mắng sa du tha la đã, hồng phán tra

Võng Ấn y Tường Ấn

Thiền Trí (2 ngón cái) vịn Tiến Lực (2 ngón trỏ)
Cạnh gốc, Đỉnh tam tuyến (xoay 3 vòng trên đỉnh đầu)
Thành **Thượng Phương Võng** ấy

Kim Cương Võng Chân Ngôn:

Ấn_ Vĩ sa-phổ la nại-lạc khất xoa, phộc nhật-la bán nhạ la, hồng phán tra

ॐ विसुधुराद रक्ष वज्र पञ्जला ह्रुं फट
OM_VISPHURAD RAKSA VAJRA PAMJALA HÙM PHAT

Hỏa Viện Tuệ (tay phải) che **Định** (tay trái)
Dựng Thiền Trí (2 ngón cái) xoay phải (theo bên phải)
Ba vòng thành lửa mạnh
Chân Ngôn là:

Ấn, A tam táng nghĩ-nể, hồng phán tra

ॐ असमग्नि ह्रुं फट
OM_ASAMÀMGNI HÙM PHAT

Tiếp kết **Liên Hoa Tòa**

Hai Vĩ (2 tay) nâng hình sen
Hơi co, mở tám cánh
Chân Ngôn là:

Ấn, phộc nhật-la, ma la đã, sa-phộc hạ

ॐ वज्र मलय स्वहा
OM VAJRA-MÀLÀYA SVÀHÀ

Hiển Ất Già Thủy Chân Ngôn là:

Nắng mô tam mãn đa một đà nam. Nga nga nắng, sa ma sa ma, sa-phộc hạ

ॐ समं वृक्षं गगनं समसमं सूक्ष्मं
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _ GAGANA SAMA ASAMA _
SVĀHĀ

Đồ Hương duỗi Định Chưởng (lòng bàn tay trái)

Tuệ Thủ (tay phải) nắm Hữu Oản (? cổ tay trái)

Chân Ngôn là:

Án, vi tát-la vi tát-la hồng phán tra, sa-phộc hạ

ॐ विसर विसर हूं ह्रूं सूक्ष्म

OM VISARA VISARA HŪM PHAT SVĀHĀ

Hiến Hoa , ngửa chéo ngón

Hợp Phong (ngón trỏ) phụ hai Không (2 ngón cái)

Chân Ngôn là:

Án, bộ lý nhập-phộc la, đa nghệ, sa-phộc hạ

Thiên Hương dựng lững hợp

Thiên Trí (2 ngón cái) phụ Tiến Lực (2 ngón trỏ)

Hợp cạnh, tập Minh Cú:

Án, vi tát la vi tát la hồng phán tra, sa-phộc hạ

ॐ विसर विसर हूं ह्रूं सूक्ष्म

OM VISARA VISARA HŪM PHAT SVĀHĀ

Hiến Thực ngửa hợp nhau

Hơi co Luân Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trỏ)

Hai Không (2 ngón cái) phụ cạnh Phong (ngón trỏ)

Chân Ngôn là:

Án, phộc nhật-lý ni, phộc nhật-lãm kế, sa-phộc hạ

Đăng Ấn Định (tay trái) nắm quyền

Dựng Nhãn (ngón giữa) Thiên Chỉ (ngón cái) vịn

Chân Ngôn là:

Án, chiến ni ninh nhiều tha năng, yết lý, hồng phán tra

Hư Không Phổ Cúng Dường

Kim Cương Chưởng an đỉnh

Vận tâm vòng Pháp Giới

Chân Ngôn là:

**Năng mô tam mãn đá một đà nam. Tát phộc tha khiếm, ốt nỗ nghiệt đế,
sa-phổ la, hê hàm, nga nga năng kiếm, sa-phộc hạ**

ॐ मंत्रं वृक्षं गगनं समसमं सूक्ष्मं ॐ विसर विसर हूं ह्रूं सूक्ष्म

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ SARVATHĀ KHAM UDGATE
SPHARA HĪMAM GAGANAKAM – SVĀHĀ.

Tiếp dùng âm thanh nhã
Khen ngợi nơi Thánh Tôn
Phộc nhật-la tát đất-phộc, tăng nghiệt la hạ
Phộc nhật-la phộc đất-năng, ma nỗ đất-lãm
Phộc nhật-la đạt ma nga dã ni
Phộc nhật-la yết hàm ca lỗ bà phộc, lỗ bả nỗ già ma tố già sa

Tiếp kết **Đỉnh Phát Ấn**
Định Quyền (quyền trái) Tiến (ngón trỏ) vịn Thiền (ngón cái)
An Đỉnh, tập Chân Ngôn
An, thi khước tả, sa-phộc hạ

Ngồi yên chẳng lay động
Đẳng Dẫn mà tương ứng
Quán trong hoa ngay tim
Uy quang như mặt trời
Chữ Hồng (𑖀) thành Độc Cổ
Biến thành Phần Nộ Tôn (Krodha-nàtha)
Thẳng Hữu (chân phải) Tả (chân trái) hơi co
Đạp xéo nơi sen xanh
Màu thân như mây vàng
Tóc đỏ dựng thẳng lên
Dùng Anh Lạc nghiêm thân
Dùng da cọp che háng
Nâng Tuệ (Tay phải) lên cầm Chày
Định (tay trái) hạ (buông thông xuống) Thí Vô Úy
Tồi phục quân Thiên Ma
Sức Thần Thôn khôn sánh
Mới nói câu Chân Ngôn
Hiện mây lành năm sắc
Hóa Phật tràn hư không
Chư Thiên đến rải hoa
Càn Thát (Gandharva) Khẩn Na La (Kimnara)
Hai mươi tám Bộ Chúng
Với các Đại Tiên khác
Cung kính chấp tay lễ
Đế Tướng (chân thật tướng) tâm chẳng loạn
Kim Cương Đồng Tử Đại Thân Chân Ngôn là:

Năng mô la đất-năng đất-la dạ dĩa (1) năng mạc thất-chiến noa (2) phộc nhật-la bả noa duệ (3) ma ha dước khát-xoa tế năng bát đa duệ (4) đất nễ-dã tha (5) Ấn , ma hạ phộc nhật-la câu ma-la (6) ca nê độ ni (7) hồng hồng, phán tra, sa-phộc hạ

ॐ नमो रत्नत्रयै

ॐ नमः शिवाय वज्रपतये महं यक्षसेनापतये

ॐ कर्म सुखं कर्म सुखं कर्म सुखं

☞ NAMO RATNATRAYAYA

NAMAḤ 'SCAṆḌA VAJRAPĀṆAYE MAHĀ YAKṢA SENAPATAYE

TADYATHĀ : OM_ KAṆI DHUNI HUM PHAT_ SVĀHĀ

Tùy Tâm trì **Thần Khế**

Tuệ Thủ (tay trái) Hư Tâm Quyền

Phượng (ngón vô danh phải) bật ở lưng Nguyệt (ngón giữa phải)

Lực (ngón trở phải) móc ngón Phượng Tiên (ngón vô danh phải)

Phượng (ngón vô danh phải) đè lưng ngón Trí (ngón cái phải)

Trí (ngón cái phải) đè Tuệ (ngón cái trái) cũng vậy

Dưng Đầu Chỉ (ngón trở) như phượng

Do gia trí đó nên

Hay nhiếp sức Tự Tại

Không qua câu Thắng Thượng

Tùy Tâm Chân Ngôn là:

Năng mô la đất-năng đất-la dạ dĩa (1) Năng mạc thất-chiến noa (2) phộc nhật-la câu ma la (3) Ấn, ca nê độ ni (4) hồng hồng, phán tra, phán tra, sa-phộc hạ

ॐ नमो रत्नत्रयै

ॐ नमः शिवाय वज्रकुम्भे

ॐ कर्म सुखं कर्म सुखं कर्म सुखं

NAMO RATNATRAYAYA

NAMAḤ 'SCAṆḌA VAJRA KUMĀRA

OM KAṆI DHUNI HUM HUM PHAT PHAT SVĀHĀ

Phấn Nộ Tâm Mật Ấn

Hư hợp ở hai tay (Hư Tâm Hợp Chưởng)

Thủy (ngón vô danh) giao vào Hổ Khẩu

Phong (ngón trở) móc vịn dưới Không (ngón cái)

Dưng Địa Luân (ngón út) như nanh

Tâm Đại Bi chân thật

Nhỏ bứt khổ Tam Đồ (ba nẻo ác)

Mau dước thành Tất Địa

Chân Ngôn là:

Hồng, phộc nhật-la câu ma la, ca ni, độ ni. Hồng hồng, phán tra

𑖀 𑖄𑖅𑖆𑖇𑖈𑖉 𑖀𑖁 𑖂𑖃 𑖄𑖅 𑖆𑖇 𑖈𑖉

HÙM VAJRA-KUMÀRA KANI DHUNI HÙM HÙM PHAT

Tiếp Phá Bất Tường Khế

Trong cài Luân Địa (ngón út) Thủy (ngón vô danh)

Co Hỏa (Ngón giữa) ngược móng lưng

Dựng Phong (ngón trở) Không (ngón cái) thành Khế

Kinh Hành với ngũ yên

Giữ Tâm kết Niệm thời

Tiêu mộng ác, tai chướng

Tiếp Thần Thông Hồ Dụng

Ấn trước mở hai Phong (2 ngón trở)

Thành tựu Pháp Kim Cương

Thông đạt Môn Tự Tại

Chủ Thần Loạn Lục Khế

Địa Luân (ngón út) giao bên ngoài

Phong (ngón trở) móc hai Địa Luân (2 ngón út)

Kèm Hỏa (ngón giữa) Thủy (ngón vô danh) dựng hợp

Hai Không (2 ngón cái) giữ Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trở)

Vừa kết Gia Trì nên

Mây nhạc Trời cúng dường

Tùy tâm thành chân thật

Uy nộ định các Ma

Giao Thủy (ngón vô danh) ló Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trở)

Co Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trở) thành quyền

Dựng Địa (ngón út) Không (ngón cái) nâng tim

Sức uy thần Mật Khế

Đập thú mạnh nanh bén

Ma Oán chẳng thể địch

Tiếp kết Lục Vương Ấn

Dựa theo **Loạn Lục** trước

Hai Không (2 ngón cái) vịn gốc Thủy (ngón vô danh)

Sai khiến (Dịch Sứ) nơi bốn Vua (4 vị Thiên Vương)

Hàng Thiện Thần Đại Lực

Chấn động cõi Đại Thiên

Kim Cương Vương hộ thân

Co Hỏa (ngón giữa) đè Hữu Không (ngón cái phải)

Thủy (ngón vô danh) giữ ở Không Luân (ngón cái)

Địa (ngón út) bật tại lưng Thủy (ngón vô danh)

Thỉnh triệu nơi Kim Cương

Khiến được thân bền chắc

Chẳng hoại ở ba cõi

Hay hộ giúp Hành Giả

Chân Ngôn là:

Năng mô tát đồ ca. An già ni độ ni. An, hồng phán tra, phán tra, sa-phộc hạ

Muốn trị bệnh thân tâm

Định Tuệ (2 tay) Kim Cương Quyền

Hợp tròn đầu Phong Luân (ngón trở)

Hai Không (2 ngón cái) an cạnh Hỏa (ngón giữa)

Xưng Chân Ngôn bảy biến

Tâm giận, tưởng niệm thời

Quý Thần, loài gây chướng

Tồi phục rồi lui tan

Chân Ngôn là:

An, phộc nhật-la câu ma la, hạ na hạ na, na hạ na hạ, bát tả bát tả, thân na thân na, tần na tần na, nghiệt-lý ha-noa, nghiệt-lý ha-noa, hồng hồng, phán tra phán tra

ॐ वज्रकुम्भं हन हन हन हन चव चव (कृकृकृ (रृरृरृ) हुहु हुहु हूं हूं रुरुरु रुरुरु

OM VAJRA-KUMARA HANA HANA, DAHA DAHA, PACA PACA, CCHINDA CCHINDA, BHINDA BHINDA, GRHNA GRHNA HUM HUM PHAT PHAT

Kim Cương Hoan Hỷ Ấn

Hữu Vũ (tay phải) Hư Tâm Quyền

Không (ngón cái) đè lưng Thủy (ngón vô danh) Phong (ngón trở)

Duỗi Đàn (ngón út) Nhẫn (ngón giữa) thành Ấn

Thường niệm tên Kim Cương

Chư Thiên với Thế Gian

Kính yêu sinh tùy vui

Hay phá chướng trong ngoài

Tiếp cài Kim Cương Chướng

Tuệ Thủ (tay phải) hình Độc Cổ

Nguyện (ngón giữa phải) Phương (ngón vô danh phải) vào trong chướng (lòng bàn tay)

Trí Tuệ (2 ngón cái) mở bung tán
Xoay chuyển nâng thành Ấn
Phần Nộ Kim Cương Xoa
Như đánh với Tu La
Tâm Chân Ngôn là:
Ấn, cô lỗ cô lỗ, nhiếp phán, nhiếp phán

Chân (tràng hạt) hợp trong chuông
Dùng Chân Ngôn gia trì
Chân Ngôn là:
Ấn, chỉ lý chỉ lý, mẫu nại-lý tả (?Ni) , sa-phộc hạ
ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ
OM KILI KILI MUDRINI SVÀHÀ

Hành Giả niệm tụng xong
Nâng châu (tràng hạt) phát nguyện lớn
Kết Tam Ma Địa Ấn
Nhập **Pháp Giới Tam Muội**
Tu **Tuyên Đà La Ni**
Các Pháp vốn chẳng sinh
Tự Tính lừa lời nói
Trong sạch không cấu nhiễm
Nhân Nghiệp đấng hư không
Chuyển, lại Đế Tư Duy (chân thật suy tư)
Chữ chữ ngộ chân thật
Đầu cuối tuy sai biệt
Chỗ chứng đều về một
Chẳng bỏ Tam Muội đó
Kèm trụ **Vô Duyên Bi**
Nguyện khắp các Hữu Tình
Đồng được **Địa** như vậy
Xuất Định, kết **Căn Bản**
Bản Minh bảy biến xong
Phổ Cúng, Diệu Tán Dương
Hỏa Viện với **Kết Giới**
Đỉnh tả (theo bên trái trên đỉnh đầu) tuyên (chuyển vòng) thành **Giải** (giải
Giới)
Nghinh Thỉnh hương ngoài bát
Thêm **Nghiệt Xa Nghiệt Xa** (Gaccha gaccha)
Nên kết **Kim Cương Phộc**
Hai Hỏa (2 ngón giữa) như hình sen

Từ tim đến mắt, bung
Trên đỉnh hợp Liên Chưởng (Liên Hoa Hợp Chưởng)

Phụng Tống Chân Ngôn là:

Án, phộc nhật-la, mô khát-xoa, mục

ॐ वज्र मुक्खा मुह

OM VAJRA MOKṢA MUḤ

Như trước lại **Hộ Thân**

Lễ khắp các Thánh Chúng

Tùy ý mà Kinh Hành

Lược bày nơi **Hộ Ma** (Homa)

Pháp **Thành Tự Tắt Địa**

Lò đối Mạn Đồ La (Maṇḍala)

Tướng mong muốn, làm riêng

Tròn, vuông tùy việc cầu

Nửa lò đầy than lửa

Trầm, Tô Hợp, Bạch Giao

Cháo sữa hòa thuốc thơm

Viên tròn, trăm lẻ tám (108 viên)

Các Pháp rộng như Kinh

Một Chú ném vào lửa (Một lần Chú thì một lần ném vào lửa đốt)

Bản Tôn với Bạc Lạc

Vui vẻ mãn Nguyện ấy

Lại nữa dùng cháo sữa

Bạch Trấp Mộc (cây có nhựa trắng) hòa bơ

Nhóm Tô Mật, sữa, lạc

Hương Huân Lục, Bạch Giao

Hồ La Bạc, gạo tẻ

Cầu Lâu Hương, đường cát

Nhóm Thạch Mật, Bách Diệp

Hòa quết trăm lẻ tám (làm thành 108 viên)

Mỗi viên, một Chú, ném

Vào lò cúng Sứ Giả

Các Trời (Deva), Rồng (Nàga), Dạ Xoa (Yakṣa)

Càn Thát (gandharva), A Tu La (Asura)

Với Tần Na Dạ Ca (Vinayàka)

Vui vẻ tùy gia hộ

Mồng tám hoặc mười lăm

Thường bày lò cúng dường

Mọi hương hoa, thức ăn

Triệu Tập Sứ Giả Chân Ngôn là:

Năng mô la đất-năng đất-la dạ dã. Năng mạc thất-chiến noa, phộc nhật-la bả noa duệ, ma ha dước khát-xoa tế na bát đá duệ. Ma đăng ca, câu ma la.

An, ca ni độ ni. Hồng, phán tra, sa-phộc hạ

ॐ नमो रत्नत्रयै

ॐ नमो शिवाय वज्रपतये महा यक्षसेनापतये मन्त्र कुमारे

ॐ नमो शिवाय वज्रपतये महा यक्षसेनापतये मन्त्र कुमारे

ॐ NAMO RATNATRAYAYA

NAMAḤ 'SCANḌA VAJRAPĀṆAYE MAHĀ YAKṢA SENAPATAYE
MATANGA-KUMĀRA

OM_ KANI DHUNI HUM PHAT_ SVĀHĀ

Tiếp vẽ tượng Bản Tôn

Dài một thước năm tấc (Đơn vị đo lường của Trung Hoa)

Làm thế đứng chữ Đinh (丁)

Chân đạp hoa sen xanh

Thân làm màu mây vàng

Tóc đỏ dựng quăn rối

Mọi thứ, các Anh Lạc

Vòng, Xuyên dùng nghiêm thân

Dùng da cọp che háng

Tả (Tay trái) cầm Bạt Chiết La (Vajra:Chày Kim Cương)

Hữu hạ (tay phải rũ xuống) Thí Vô Uy

Nên làm hình cực tấn

Tả (bên trái) vẽ một Kim Cương

Bốn tay màu mây vàng

Cầm chày, Luân (bánh xe), Sách (sợi dây). Dao

Hữu (bên phải) Sứ Giả hai tay

Một tay nắm Quyển Ấn

Tiếp cầm Kiếp Bát La

Rồng quăn Eo, Tý (cánh tay), háng

Tiền (trước mặt) chúng Câu Ma La (Kumàra)

Tám Bộ Chúng vây quanh

Thượng (bên trên) mây lành năm sắc

Chư Thiên rải Diệu Hoa

Đao Lợi Thiên Vương Quân

Bốn Vương (4 vị Thiên Vương) các Sứ Giả

Với Tần Na Dạ Ca

Đều thỉnh mệnh phụng giáo
Người vẽ tịnh trai giới
Xong Tượng, rộng bày cúng

Tiếp riêng Pháp vẽ Tượng
Thân năm thước tám tấc
Mặc quần áo màu vàng
Chân đạp hoa sen vàng (Kim Liên Hoa)
Tay phải Bạt Chiết La (cầm chày Kim Cương)
Nâng lên như thế Nghĩ
Trái cầm hoa sen vàng
Tóc hơi vàng, chuyển phải
Độc phát (một búi tóc) lồng trong mũ
Mé trên tóc, hai tấc
Trong tóc lập Hóa Phật
Hữu (bên phải) Tích (cây gậy thiếc) Tả (bên trái) Táo Quán (bình nhỏ dùng
rưới nước)
Hai bên lưng, một Phật
Màu vàng cầm Tích Trượng
Thánh Giả vây thân ấy
Kéo mây ánh năm màu (Ngũ sắc quang)

Lúc tác Pháp **niệm tụng**
Đối Tượng tác biến số
Như Kinh đã nói rõ
Thương xót chúng Hữu Tình
Nếu khởi sự giận dữ
Kim Cương vì mình hiện
Thân rất ư phẫn tẫn
Hay khiến người thấy sợ
Hành Giả, tất cả thời
Thanh tịnh Thân Ngữ Ý

ĐẠI PHẦN NỘ KIM CƯƠNG ĐỒNG TỬ NIỆM TỤNG DU GIÀ PHÁP
MỘT QUYỂN (Hết)

11/06/2008